

Bình Thạnh, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2023 – 2024

**CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, KẾ
HOẠCH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ THU- CHI TÀI
CHÍNH**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc đã thực hiện công khai các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

A. BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN

I. Thông tin chung:

1. Tên trường: Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc.

2. Địa chỉ trụ sở:

Cơ sở 1: đặt tại hẻm 47/55 Nguyễn Văn Đậu, Phường 6, quận Bình Thạnh

Cơ sở 2: đặt tại số 244A Hoàng Hoa Thám, Phường 5, quận Bình Thạnh

Điện thoại: (028) 38442331

Email: thnbgoc.bth@tphcm.gov.vn

Website: <https://thnguyenbangocbinhthanh.hcm.edu.vn>

3. Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Trong giai đoạn phát triển Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đào tạo thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi nhà trường phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy kết quả nhà trường đã đạt được trong giai đoạn 2015-2020. Từ đó, xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung.

Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc được thành lập Quyết định số 1141/QĐ-UB ngày 02 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về Quyết định thành lập Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã từng bước đảm bảo chất lượng. Những năm gần đây, được sự chỉ đạo, quan tâm của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Phòng GD&ĐT quận Bình Thạnh, Đảng ủy, UBND phường 6, sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao thầy và trò trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện. Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang; đầy đủ phòng học đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Trường có nhiều năm đạt danh hiệu: “Tập thể lao động tiên tiến” và “Tập thể lao động xuất sắc”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Bà Nguyễn Thị Lệ - Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 47/55 Nguyễn Văn Đậu, Phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 0908204064

Email: nguyenle07@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định số 1141/QĐ-UB ngày 02 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về Quyết định thành lập Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 7422/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023 về thành lập Hội đồng trường của Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc nhiệm kỳ 2020-2025.

Hội đồng trường gồm 11 thành viên:

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1. Bà Nguyễn Thị Lệ | Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng - Thành viên-Chủ tịch. |
| 2. Ông Đỗ Hữu Hùng | Phó Chủ tịch UBND phường 6 - Thành viên |
| 3. Ông Trần Mạnh Hùng | Phó Hiệu trưởng – Thành viên |
| 4. Bà Phạm Thị Bình | Phó Hiệu trưởng – Thành viên |
| 3. Bà Võ Thị Tuyết Nhung | Chủ tịch Công đoàn - Thành viên |
| 4. Ông Trần Quang Vũ | Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - Thành viên |
| 5. Bà Nguyễn Ngọc Diễm Châu | Đại diện tổ chuyên môn - Thành viên |
| 6. Bà Nguyễn Thị Huyền Châu | Đại diện tổ chuyên môn - Thành viên |
| 7. Bà Nguyễn Thị Đan Thùy | Đại diện tổ chuyên môn - Thành viên |
| 8. Ông Nguyễn Hoài Nam | Đại diện tổ chuyên môn - Thành viên |
| 9. Bà Lê Thị Bích Ngân | Đại diện tổ chuyên môn - Thành viên |
| 10. Ông Tạ Nhân Nghĩa | Đại diện tổ văn phòng - Thành viên |
| 11. Ông Trần Văn Tiến | Ban đại diện CMHS – Thành viên |

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Lệ

+ Ngày tháng năm sinh: 20/04/1970

+ Điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc theo Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023 của UBND quận Bình Thạnh.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 01 năm.

Phó hiệu trưởng: Trần Mạnh Hùng

+ Ngày tháng năm sinh: 29/10/1976

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc theo quyết định số 6724/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân quận Bình Thạnh.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 4 năm.

Phó hiệu trưởng: Phạm Thị Bình

+ Ngày tháng năm sinh: 09/3/1978

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc theo quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân quận Bình Thạnh.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 2 năm.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Nhà trường thực hiện đúng thông tư 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

Quy chế số 121/QC-NBN ngày 08 tháng 10 năm 2023, về tổ chức và hoạt động của trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

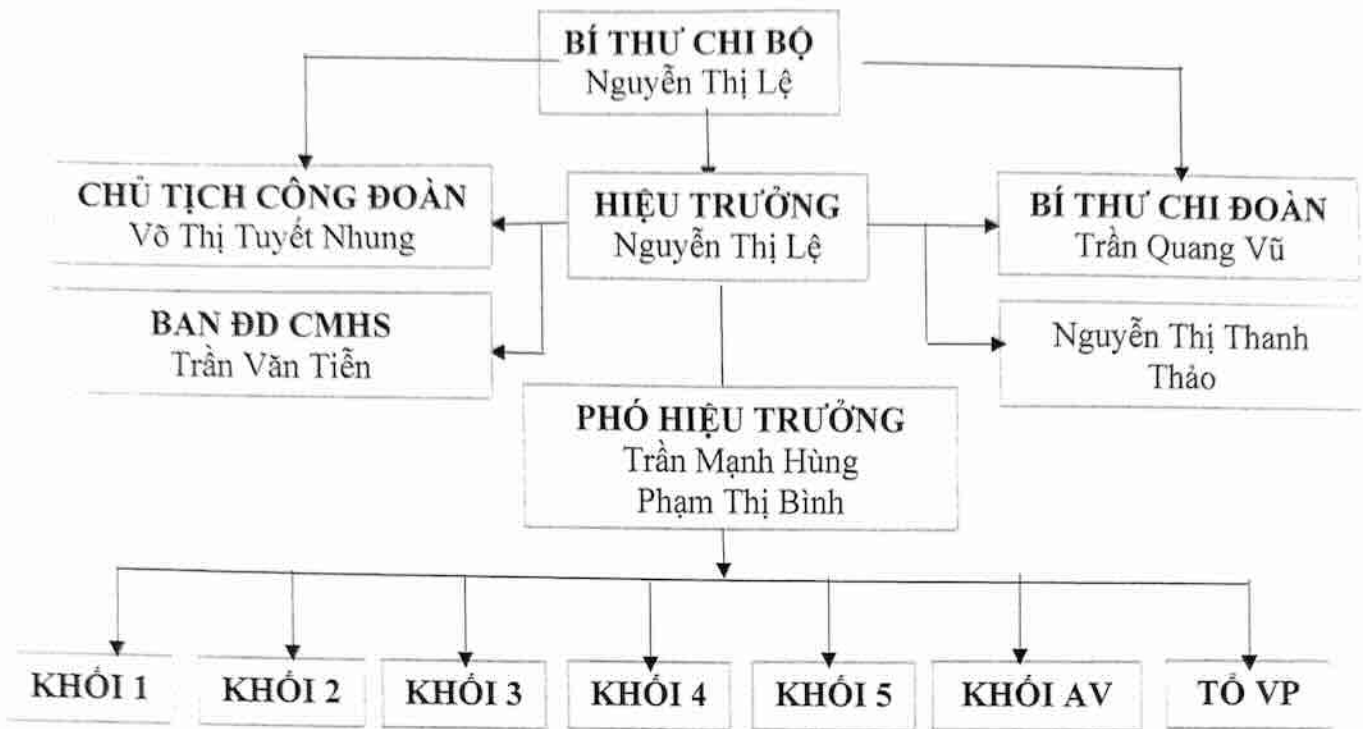
1. Nâng cao nhận thức trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; BCH Công đoàn cơ sở về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Tổ chức tuyên truyền, quán triệt các văn bản, nội dung thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

3. Tổ chức tốt Hội nghị cán bộ, giáo viên, công nhân viên chức, người lao động.

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của trường



8. Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định:

Kế hoạch số 199/KH-NBN ngày 25/11/2020 về Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 – 2025

Kế hoạch số 121 /KH-NBN ngày 08/10/2023 về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	50		2	38	3	3	4	2	15	28	36	5		
I	Giáo viên	38			37	1			0	14	24	33	5		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	GV nhiều môn	26			25	1			0	11	15				
2	Ngoại ngữ	9			9					2	7	5	4		
3	Tin học														
4	Âm nhạc	1			1						1		1		

5	Mỹ thuật	0							0			0		
6	Thể dục	2		2				0	1	1	1	1		
7	Chuyên trách GD													
II	Cán bộ quản lý	3		2	1					3	3			
1	Hiệu trưởng	1		1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					2	2			
III	Nhân viên	8			1	1	3	4	2	1	1			
1	Nhân viên văn thư	1				1				1				
2	Nhân viên kế toán	1			1						1			
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1					1		1					
5	Nhân viên thư viện	1					1		1					
6	Nhân viên thiết bị													
7	Nhân viên khác	5					1	4						

50/50 cán bộ, giáo viên (tỉ lệ 100%) hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên theo quy định.

III. Cơ sở vật chất

Công khai thông tin cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung của trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng diện tích đất (m²)	969m ²	1.19 m ² /học sinh
II	Tổng diện tích các phòng	1320m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48m ² /1 phòng	
2	Diện tích thư viện (m ²)	48m ²	
3	Diện tích phòng học tin học (m ²)	48m ²	
4	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48m ²	
5	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	18m ²	
6	Số phòng học/số lớp	26/28	
7	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	969m ²	1.19 m ² /học sinh
III	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	5	5/5
1.2	Khối lớp 2	5	5/5
1.3	Khối lớp 3	5	5/5
1.4	Khối lớp 4	5	5/5
1.5	Khối lớp 5	6	5/5
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
3	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	30	
4	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
4.1	Ti vi	28	
4.2	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
4.3	Bảng tương tác	1	
4.4	Tivi tương tác	3	

Nhà trường công bố danh mục sách giáo khoa lớp 5 theo quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2024 về phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 5 và sách giáo khoa Ngoại ngữ 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024 – 2025 trên trang web của và bảng tin tại trường.

Nhà trường ra thông báo số 161/BT-NBN ngày 11 tháng 6 năm 2024 về danh mục SGK lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và lớp 5 sử dụng trong năm học 2024-2025.

Nhà trường ra quyết định số 50/QĐ- NBN ngày 01 tháng 8 năm 2024 phê duyệt Danh mục xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu sử dụng trong nhà trường năm học 2024-2025.

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục

Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục.

Nhà trường thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục theo công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học. Trường xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tự đánh giá; tiếp tục củng cố các tiêu chí đạt từ mức 1. Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 14 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nền nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 1 (năm 2021). Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, sẽ mời đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra công nhận vào năm 2026.

V. Kết quả hoạt động giáo dục

1. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc năm học 2023 – 2024

Năm học 2023 – 2024, nhà trường tuyển sinh 122 học sinh lớp 1 đúng theo phân tuyến của Phòng Giáo dục quận Bình Thạnh.

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Tổng số học sinh	814	122	166	164	167	195
2	Số học sinh bình quân/lớp	30,2	24,4	33,4	232,8	33,4	27,9
3	Số học sinh học 2 buổi/ngày	814	122	166	164	167	195
4	Số học sinh nam/nữ	448/367	69/53	98/69	78/86	96/71	107/88
5	Số lượng học sinh dân tộc thiểu số	27	4	9	4	3	7
6	Số học sinh khuyết tật	8	1	4	0	0	3
7	Số học sinh chuyển đến	1	0	0	1	0	0
8	Số học sinh chuyển đi	5	0	2	1	1	1

Kết quả đánh giá học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	814	122	166	164	167	195
1	Đánh giá năng lực						
1.1	Tự phục vụ, tự quản	814	122	166	164	167	195
	Tốt	803	114	163	164	167	195
	(tỷ lệ so với tổng số)	98,5%	93,4%	98,2%	100%	100%	100%
	Đạt	11	8	3	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1,3%	9,6%	9,1%	0	0	0
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.2	Hợp tác	814	122	166	164	167	195
	Tốt	808	119	163	164	167	195
	(tỷ lệ so với tổng số)	99,1%	97,5%	98,2%	100%	100%	100%
	Đạt	24	3	3	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2,29	2,5%	1,8%	100%	0	0
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.3	Tự học, giải quyết vấn đề	814	122	166	164	167	195
	Tốt	801	114	161	164	167	195

	(tỷ lệ so với tổng số)	98,3%	100%	97%	100	100	100
	Đạt	13	8	5	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1,6%	6,6%	3%	0	0	0
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.4	Ngôn ngữ (Dành cho lớp 1, 2, 3, 4)	619	122	166	164	167	
	Tốt	605	117	161	164	163	
	(tỷ lệ so với tổng số)	97,7%	95,95%	97%	100%	97,6%	
	Đạt	14	5	5	0	2	
	(tỷ lệ so với tổng số)	2,3%	4,1%	3%	0	2,4%	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1.5	Tính toán (Dành cho lớp 1, 2, 3, 4)	619	122	166	164	167	
	Tốt	606	119	163	164	160	
	(tỷ lệ so với tổng số)	97,9%	97,5%	98,2%	100%	95,8%	
	Đạt	13	3	3	0	7	
	(tỷ lệ so với tổng số)	2,1%	2,5%	1,8%	0	4,2%	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1.6	Khoa học (Dành cho lớp 1, 2, 3, 4)	619	122	167	164	167	
	Tốt	614	121	163	164	166	
	(tỷ lệ so với tổng số)	99,2%	99,2%	98,2%	100%	99,4%	
	Đạt	5	1	3	0	1	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,8%	0,8%	1,8%	0,00	0,6%	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1.7	Thẩm Mĩ (Dành cho lớp 1, 2, 3, 4)	619	122	167	164	167	
	Tốt	616	122	163	164	167	
	(tỷ lệ so với tổng số)	99,5%	100%	98,2%	100%	100%	
	Đạt	3	0	3	0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,5%	0	1,8%	0	0	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1.8	Thể chất (Dành cho lớp 1, 2, 3, 4)	619	122	167	164	167	
	Tốt	616	122	167	164	167	
	(tỷ lệ so với tổng số)	99,5%	100%	100%	100%	100%	
	Đạt	3	0	0	0	0	

	(tỷ lệ so với tổng số)	0,5%	0	0	0	0	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1.9	Tin học (Dành cho lớp 3, 4)	331			164	167	
	Tốt	331			164	167	
	(tỷ lệ so với tổng số)	100%			100%	100%	
	Đạt	0			0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0			0	0	
	Cần cố gắng	0			0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00			0,00	0,00	
1.10	Công nghệ (Dành cho lớp 3, 4)	331			164	167	
	Tốt	331			164	167	
	(tỷ lệ so với tổng số)	100%			100%	100%	
	Đạt	0			0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0			0	0	
	Cần cố gắng	0			0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00			0,00	0,00	
2	Đánh giá phẩm chất						
2.1	Chăm học chăm làm	814	122	166	164	167	195
	Tốt	808	118	164	164	167	195
	(tỷ lệ so với tổng số)	99,1%	96,7%	99,2%	100%	100%	100%
	Đạt	0	4	3	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	3,3%	1,8%	0,00	0,00	0,00
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.2	Tự tin, trách nhiệm	815	122	167	164	167	195
	Tốt	808	122	164	164	167	195
	(tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	99,2%	100%	100%	100%
	Đạt	0	0	3	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	1,8%	0,00	0,00	0,00
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.3	Trung thực, kỷ luật	814	122	166	164	167	195
	Tốt	808	122	164	164	167	195
	(tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	99,2%	100%	100%	100%
	Đạt	0	0	3	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	1,8%	0,00	0,00	0,00
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

2.4	Đoàn kết yêu thương (Dành cho học sinh lớp 5)	195					195
	Tốt	195					195
	(tỷ lệ so với tổng số)	100%					100%
	Đạt	0					0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00					0,00
	Cần cố gắng	0					0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00					0,00
2.5	Nhân ái (Dành cho học sinh lớp 1, 2, 3, 4)	619	122	167	164	167	
	Tốt	619	122	167	164	167	
	(tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	0	100%	100%	
	Đạt	0	0	0,00	0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0	0,00	0,00	
	Cần cố gắng	0	0	0,00	0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	100%	0,00	0,00	
2.6	Yêu nước (Dành cho học sinh lớp 1, 2, 3, 4)	619	122	167	164	167	
	Tốt	619	122	167	164	167	
	(tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	
	Đạt	0	0	0	2	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,97	0,00	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0,00	0,00	0,00	0,00	
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	Tổng số	122	166	164	167	195
1	Tiếng Việt	814	122	166	164	167	195
	Hoàn thành tốt	753	110	146	160	159	178
		99,6%	90,16%	87,95%	97,6%	95,21%	91,3%
	Hoàn thành	58	10	19	4	8	17
		9,6%	8,2%	11,45%	2,4%	4,79%	8,72%
	Chưa hoàn thành	3	2	1	0	0	0
		0,4%	1,64%	0,6%	0,00	0,00	0,00
2	Toán	814	122	166	164	167	195
	Hoàn thành tốt	712	116	146	157	147	146
		87,4%	95,8%	87,95%	95,73%	88,0	74,87%
	Hoàn thành	103	6	20	7	20	49
		12,6%	4,2%	12,1%	4,2%	12,0%	25,1%
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0

		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Đạo đức	814	122	166	164	167	195
	Hoàn thành tốt	814	122	166	164	167	195
		100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Hoàn thành	0	0	0	0	0	0
		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
4	Tự nhiên và XH	453	122	167	164		
	Hoàn thành tốt	447	121	161	164		
		98,7%	99,18%	97,0%	100%		
	Hoàn thành	6	1	5	0		
		1,3%	0,8%	3,01%	0,00		
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0		
5	Khoa học	363				167	195
	Hoàn thành tốt	349				161	188
		96,1%				96,4%	96,4%
	Hoàn thành	13				6	7
		3,6%				3,6%	3,6%
	Chưa hoàn thành	0				0	0
		0,00				0,00	0,00
6	Lịch sử và Địa lý	363				167	195
	Hoàn thành tốt	349				159	187
		96,1%				95,2%	95,9%
	Hoàn thành	13				8	8
		3,6%				4,8%	4,1%
	Chưa hoàn thành	0				0	0
		0,00				0,00	0,00
7	Âm nhạc	814	122	166	164	167	195
	Hoàn thành tốt	814	121	162	163	164	195
		92,55	99,2%	97,6%	99,4%	98,2%	100%
	Hoàn thành	78	1	4	1	3	0
		7,45	0,8%	2,4%	0,61%	1,8%	0,00
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
8	Mĩ thuật	814	122	166	164	167	195
	Hoàn thành tốt	814	122	166	164	167	195
		95,42	99,2%	100%	98,06	91,30	100%
	Hoàn thành	48	1	0	4	18	0
		4,58	0,8%	0,00	1,94	8,70	0,00

	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
9	Công nghệ, KT	526			164	167	195
	Hoàn thành tốt	515			161	159	195
		91,9%			98,2%	95,1%	100%
	Hoàn thành	11			3	8	0
		2,0%			1,8%	4,8%	0,00
	Chưa hoàn thành	0			0	0	0
		0,00			0,00	0,00	0,00
10	GDTC/Thế dục	814	122	166	164	167	195
	Hoàn thành tốt	811	121	163	164	167	195
		99,5%	99,2%	100%	100%	100%	100%
	Hoàn thành	5	1	4	0	0	0
		1,5%	0,8%	1,8%	0,00	0,00	0,00
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
11	Ngoại ngữ	814	122	166	164	167	195
	Hoàn thành tốt	677	109	141	153	155	119
		83,1%	89,3%	84,9%	93,3%	92,8%	61,0%
	Hoàn thành	138	14	25	11	12	76
		16,9%	11,5%	15,0%	6,7%	7,2%	38,9%
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
12	Tin học	692		166	164	167	195
	Hoàn thành tốt	688		162	164	167	195
		99,4%		97,6%	100%	100%	100%
	Hoàn thành	4		4	0	0	0
		0,6%		2,42%	0,00	0,00	0,00
	Chưa hoàn thành	0		0	0	0	0
		0,00		0,00	0,00	0,00	0,00
13	HD trải nghiệm (Dành cho lớp 1, 2, 3, 4)	814	122	166	164	167	
	Hoàn thành tốt	814	122	166	164	167	
		100%	100%	100%	100%	100%	
	Hoàn thành	0	0	0	0	0	
		0	0	0	0	0	
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	
		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm						

1	Lên lớp, hoàn thành chương trình	814	122	166	164	167	195
	(tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
a	<i>Trong đó:</i>						
	<i>Số HS được khen thưởng cấp trường</i>	487	109	141	150	87	149
	<i>Tỷ lệ so với tổng số</i>	59,8%	89,3%	84,9%	91,5%	52,1%	76,4%
b	<i>Số HS được cấp trên khen thưởng</i>						
	<i>Tỷ lệ so với tổng số</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2	Chưa hoàn thành lớp học	2	1	1	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,2	0,8%	0,6%	0,00	0,00	0,00

2. Công khai thực hiện chương trình tích hợp

Số học sinh học chương trình giáo dục “Dạy và học các môn Toán, Khoa học bằng tiếng Anh.

Năm học 2024 - 2025			
Tổng số	Lớp 1.1	Lớp 1.2	Lớp 1.3
96	33	31	32

VI. Kết quả tài chính

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Nghị định số 163/2016/NĐ CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

1. Tình hình tài chính của trường trong năm 2023

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2023
- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024
- Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với học sinh

- Thông báo công khai danh sách học sinh được trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024. (kèm theo danh sách)

3. Số dư các quỹ theo quy định

Biểu số 4 phụ lục đính kèm

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

Triển khai đầy đủ các chuyên đề đã được tập huấn của Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục.

Các khối lớp đã triển khai tích cực bài học Stem

Tích cực tham gia Hội thi Giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp Quận. Kết quả 01 giáo viên đạt giải Nhì, một giáo viên được công nhận Giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi Hội thi Giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp Quận, năm học 2023-2024.

Kiểm tra và công nhận giáo viên giỏi quận năm học 2023-2024 trường có 5 giáo viên trẻ được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp quận

Cán bộ quản lý và giáo viên tham gia tập huấn bồi dưỡng thường xuyên các Môđun đầy đủ và hoàn thành đúng thời gian.

Trường đạt Giải Nhì Liên hoan phim tiếng Anh cấp quận; 1 giáo viên và 1 học sinh đạt giải khuyến khích.

Nhà trường có 1 học sinh đạt giải Bạc khối 4 cấp quốc gia và 1 giải Nhất khối 4 toàn thành phố và Hội thi "Internet Olympiads of English (IOE)"; 1 Huy chương vàng và 1 Huy chương Bạc môn bơi lội, 3 Huy chương Bạc môn Aerobic, 1 Huy chương Đồng môn Vovinam, 1 Huy chương Đồng môn Teakwondo Hội khỏe Phù Đổng Thành phố, Các phong trào thể dục thể thao cấp quận

Tổ chức kiểm tra nghiêm túc, nhẹ nhàng và hiệu quả kiểm tra định kỳ tất cả các môn dành cho tất cả học sinh.

B. Hình thức và thời điểm công khai:

1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

- Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa

con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai:

- Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ đầu tháng 9/2024.
- Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2024 của quận Bình Thạnh.
- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.
- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2024) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.
- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.
- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.
- Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Đăng web;
- Lưu VT.



HỘI TRƯỞNG

Nguyễn Thị Lệ